

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST

Ngày: 22- 5 - 2019

“Về tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Dậu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Tơ Lul.

2. Bà Phạm Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Đ Việt Nam; Trụ sở: Tháp B, XH, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh P Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam theo Quyết định ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam ký.

Địa chỉ chi nhánh: Số XX đường T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ông C có quyết định ủy quyền số 1174/QĐ-BIDV.PNU ngày 13/9/2018 cho ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Phó Giám đốc Phụ trách Phòng Giao dịch R thuộc Chi nhánh P Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam. Có Mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn S.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Kim H.

Cùng địa chỉ: Thôn A, thị trấn H, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam (Ngân hàng) trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam thông qua qua Phòng Giao dịch R thuộc Chi nhánh P có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2016/567454/HĐTD ngày 05 tháng 07 năm 2016 với ông Võ Văn S và Giấy đề nghị vay lưu vụ kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2017/567454/HĐTD ngày 05 tháng 06 năm 2017 với ông Võ Văn S và bà Trần Thị Kim H. Theo đó, ông S và bà H đã vay của Ngân hàng số tiền là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng). Mục đích vay đầu tư chăm sóc tiêu, cà phê. Thời hạn vay 11 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 9,3%/năm và được cố định đến ngày 30/09/2016, từ ngày 01/10/2016 trở đi lãi suất cho vay xác định bằng lãi suất tiết kiệm 6 tháng trả lãi cuối kỳ do BIDV N công bố hiện hành cộng thêm phí ngân hàng là 4,7%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ vào ngày 01 của tháng cuối quý (khi lãi suất tiết kiệm 6 tháng trả lãi cuối kỳ do BIDV N công bố có hiệu lực từ ngày 01 của tháng cuối quý (khi lãi suất tiết kiệm 06 tháng trả lãi cuối kỳ do BIDV N công bố có hiệu lực từ ngày 01 của tháng cuối quý có sự thay đổi) và tuân thủ quy định về mức lãi suất của BIDV theo từng thời kỳ, nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay. Trường hợp Ngân hàng áp dụng chính sách giảm lãi suất thấp hơn so với các mức qui định trên, Ngân hàng sẽ thông báo cụ thể cho khách hàng mà không cần ký phụ lục hợp đồng. Lãi suất vay hiện tại 10,2%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (*Lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có*).

Để bảo đảm cho khoản vay nói trên, ông Võ Văn S và bà Trần Thị Kim H đã thế chấp tài sản cho Ngân hàng gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 400m², thuộc thửa đất số 806a, tờ bản đồ số 22, tại thôn A, thị trấn H, huyện P, tỉnh Gia Lai, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 439983 do UBND huyện P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 14/06/2013 mang tên ông Võ Văn S và bà Trần Thị Kim H; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 5.330m², thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 30, tại Thôn K, xã D, huyện P, (cũ là xã H, huyện S), tỉnh Gia Lai, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 237484 do UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp ngày 28/12/1998 mang tên Võ Văn H, được chỉnh lý trang 4, đăng ký thay đổi ngày 27/05/2013 tặng cho ông Võ Văn S và bà Trần Thị Kim H. Các tài sản nêu trên đã được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/567454/HĐBĐ ngày 05/07/2016, công chứng tại Văn phòng công chứng S, tỉnh Gia Lai ngày 05/07/2016, và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện P ngày 05/07/2016.

Từ ngày 20/9/2017, ông S và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả lãi. Đến kỳ hạn trả nợ gốc ngày 05/05/2018, ông S và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Từ ngày quá hạn đến nay, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở, gửi văn bản thông báo nợ đến hạn, thông báo nợ quá hạn, làm việc trực tiếp,... để thương lượng phương án trả nợ nhưng không đạt kết quả. Về phía khách hàng có

biểu hiện chây ì, trốn tránh trách nhiệm, cố tình không hợp tác trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay.

Do vậy, Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai buộc Ông Võ Văn S và bà Trần Thị Kim H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 733.969.316đ (Bảy trăm ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm mười sáu đồng). Gồm: Nợ gốc là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng); Nợ lãi từ ngày 20/9/2017 tạm tính đến ngày xét xử 22/5/2019 là: 133.969.316đ (Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm mười sáu đồng), trong đó lãi trong hạn là 102.111.781đ (Một trăm lẻ hai triệu một trăm mười một ngàn bảy trăm tám mươi một đồng), lãi quá hạn là 31.857.535đ (Ba mươi một triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi lăm đồng).

Trong trường hợp ông Võ Văn S và bà Trần Thị Kim H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/567454/HĐBĐ ngày 05/07/2016 để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, các thông báo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn là ông Võ Văn S và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim H. Tuy nhiên, ông S và bà H không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến của ông S và bà H đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai như sau :

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Bị đơn ông Võ Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim H đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về phần nội dung: Căn cứ các Điều 280, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự và các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng: Buộc ông Võ Văn S và bà Trần Thị Kim H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam thông qua Phòng Giao dịch R thuộc Chi nhánh N Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam tổng số tiền là 733.969.316đ (Bảy trăm ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm mười sáu đồng). Gồm: Nợ gốc là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng); nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử 22/5/2019 là: 133.969.316đ (Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm mười sáu đồng).

Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà ông S và bà H đã thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/567454/HĐBĐ ngày 05/07/2016 khi ông S và bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông S và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì

nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông S và bà H đã thế chấp để thu hồi nợ. Buộc ông S và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án án cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai giải quyết « Tranh chấp Hợp đồng tín dụng » giữa Ngân hàng với bị đơn ông Võ Văn S có địa chỉ tại Thôn A, thị trấn H, huyện P, tỉnh Gia Lai; Tại mục 9.b của Hợp đồng tín dụng số 01/2016/567454/HĐTD ngày 05 tháng 07 năm 2016 các bên có thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Bị đơn ông Võ Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim H đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu đòi nợ gốc và lãi của nguyên đơn thấy rằng:

Theo các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp thì ông Võ Văn S có ký với Ngân hàng 01 Hợp đồng tín dụng số 01/2016/567454/HĐTD ngày 05/ 07 /2016 và ông Võ Văn S cùng bà Trần Thị Kim H có ký 01 Giấy đề nghị vay lưu vụ kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2017/567454/HĐTD ngày 05/6/2017 để vay của Ngân hàng số tiền 600.000.000 đ (Sáu trăm triệu đồng), thời hạn vay 11 tháng. Đến kỳ hạn trả nợ gốc ngày 05/05/2018, ông Võ Văn S và Bà Trần Thị Kim H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi kể từ ngày 20/9/2017 cho đến nay.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và thông báo nợ quá hạn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông S và bà H chưa thanh toán nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 357, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Lãi suất được tính theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Võ Văn S và Bà Trần Thị Kim H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam thông qua Phòng Giao dịch R thuộc Chi nhánh N Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam tổng số tiền là 733.969.316đ (Bảy trăm ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm mười sáu đồng). Gồm: Nợ gốc là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng); nợ lãi từ ngày 20/9/2017 tạm tính đến ngày xét xử 22/5/2019 là: 133.969.316đ (Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm mười sáu đồng), trong đó lãi trong hạn là 102.111.781đ (Một trăm lẻ hai triệu một trăm mười một ngàn bảy trăm tám mươi một đồng), lãi quá hạn là 31.857.535đ (Ba mươi một triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi lăm đồng).

[3]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại hợp đồng tín dụng số 01/2016/567454/HĐTD ngày 05/7/2016 và Giấy đề nghị vay lưu vụ kiêm Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2017/567454/HĐTD ngày 05/6/2017, ông S và bà H đã thế chấp cho Ngân hàng: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 400m², thuộc thửa đất số 806a, tờ bản đồ số 22, tại thôn A, thị trấn H, huyện P, tỉnh Gia Lai, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 439983 do UBND huyện P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 14/06/2013 mang tên ông Võ Văn S và bà Trần Thị Kim H; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 5.330m², thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 30, tại Thôn K, xã D, huyện P, (cũ là xã H, huyện S), tỉnh Gia Lai, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 237484 do UBND huyện S, tỉnh Gia Lai cấp ngày 28/12/1998 mang tên Võ Văn H, được chỉnh lý trang 4, đăng ký thay đổi ngày 27/05/2013 tặng cho ông Võ Văn S và bà Trần Thị Kim H. Các tài sản nêu trên đã được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/567454/HĐBĐ ngày 05/07/2016, được công chứng tại Văn phòng công chứng S, tỉnh Gia Lai ngày 05/07/2016, và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện P ngày 05/07/2016.

Xét hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 317, 318 và Điều 319 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Vậy nên, Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà ông S và bà H đã thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế nêu trên khi ông S và bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 322 Bộ luật Dân sự. Trong trường hợp ông S và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Điều 299 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[4]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 322, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc ông Võ Văn S và bà Trần Thị Kim H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam thông qua Phòng Giao dịch R thuộc Chi nhánh N Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam số tiền là 733.969.316đ (Bảy trăm ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm mười sáu đồng). Gồm: Nợ gốc là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng); Nợ lãi là 133.969.316đ (Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm mười sáu đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”. (trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay) .

2. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam thông qua Phòng Giao dịch R thuộc Chi nhánh N Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam có nghĩa vụ trả lại cho ông Võ Văn S và bà Trần Thị Kim H các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà ông S và bà H đã thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/567454/HĐBĐ ngày 05/07/2016, được công chứng tại Văn phòng công chứng S tỉnh Gia Lai ngày 05/07/2016 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện P ngày 05/07/2016 khi ông S và bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ .

3. Trường hợp ông Võ Văn S và bà Trần Thị Kim H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam thông qua Phòng Giao dịch R thuộc Chi nhánh N Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/567454/ HĐBĐ ngày 05/07/2016, được công chứng tại Văn phòng công chứng S tỉnh Gia Lai ngày 05/07/2016 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện P ngày 05/07/2016 để thu hồi nợ.

4. Về án phí:

Buộc ông Võ Văn S và bà Trần Thị Kim H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 33.358.772đ (Ba mươi ba triệu ba trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm bảy mươi hai đồng) [$\{20.000.000đ + 4\% \times (733.969.316đ - 400.000.000đ)\}$] để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam thông qua Phòng Giao dịch R thuộc Chi nhánh N Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.401.000 đ (Mười lăm triệu bốn trăm

linh một ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007681 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

6. *“Trường hợp Bản, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Thi hành án DS huyện Chư Sê;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Dậu